

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm co và giảm điểm vào cuối phiên khi nhà đầu tư chờ đợi số liệu kinh tế tháng 4 sắp được công bố

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của chỉ số VN30

[Thông tin doanh nghiệp]

MSN, VRE

[Cập nhật công ty]

PNJ

[Quan điểm đầu tư]

Nhà đầu tư được khuyến nghị tránh mua đuổi và chỉ gia tăng tỷ trọng trở lại quanh vùng hỗ trợ đối với các cổ phiếu mục tiêu.

28/04/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,350.99	-0.21
VN30	1,400.88	-0.08
HĐTL VN30F1M	1,392.00	-0.64
HNXIndex	360.20	+0.87
HNX30	635.72	+0.50
UPCoM	102.69	+1.30
USD/VND	22,954	-0.10
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.01	+0
Lãi suất qua đêm (%)	1.72	+47
Dầu (WTI, \$)	102.75	+0.72
Vàng (LME, \$)	1,886.57	+0.02



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,350.99 (-0.21%)
KLGD (triệu CP) 485.1 (+6.1%)
GTGD (triệu US\$) 579.8 (-8.4%)

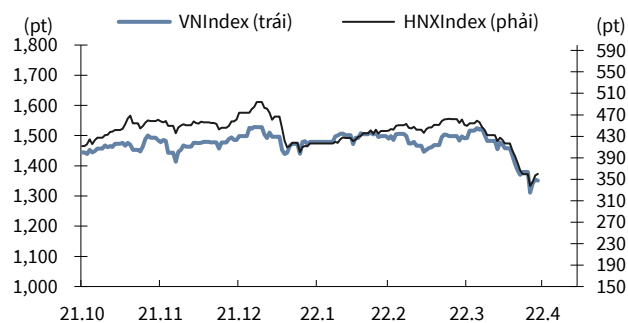
HNXIndex 360.20 (+0.87%)
KLGD (triệu CP) 79.3 (-6.6%)
GTGD (triệu US\$) 64.3 (+4.9%)

UPCoM 102.69 (+1.30%)
KLGD (triệu CP) 38.8 (-6.2%)
GTGD (triệu US\$) 27.3 (+2.7%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -13.4

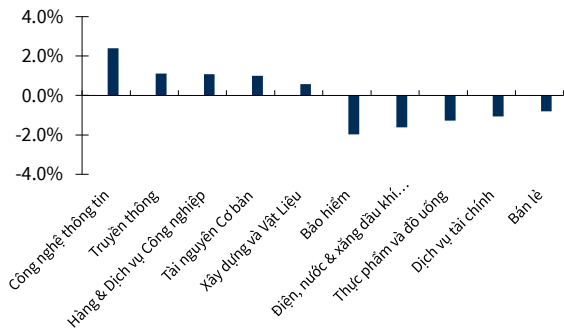
TTCK Việt Nam giảm co và giảm điểm vào cuối phiên khi nhà đầu tư chờ đợi số liệu kinh tế tháng 4 sắp được công bố. Báo cáo của Bộ Xây dựng về thị trường bất động sản cho thấy, trong quý I/2022, giá giao dịch bất động sản bình quân toàn thị trường trong xu hướng tăng và nhiều chuyên gia dự báo đà tăng giá bất động sản được dự báo sẽ khó có thể dừng lại trong bối cảnh lạm phát tăng cao giúp cổ phiếu bất động sản hồi phục ở HDG (+2.1%), NVL (+0.5%). Cổ phiếu ngành thép tăng giá ở HPG (+1.4%), NKG (+0.6%) khi giá thép trong nước và Trung Quốc tiếp tục ở mức cao. Khối ngoại bán ròng ở VHM (-0.8%), DGC (+0.4%), DIG (-4.0%).

VNIndex & HNXIndex



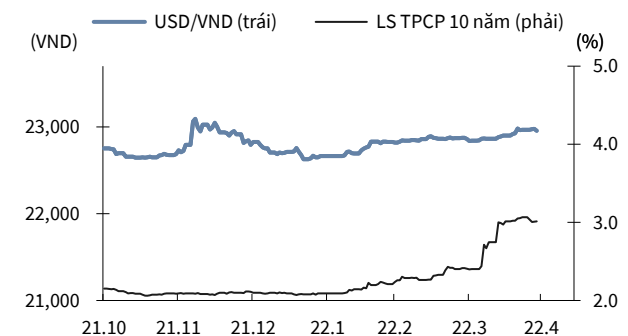
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



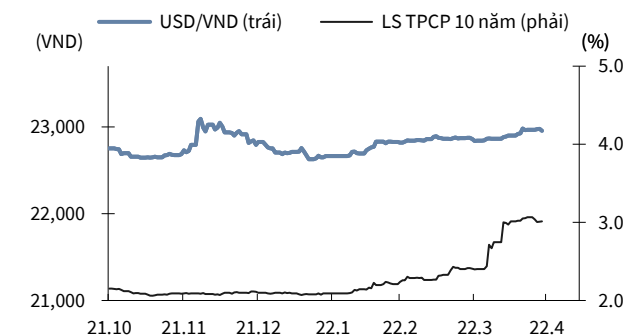
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

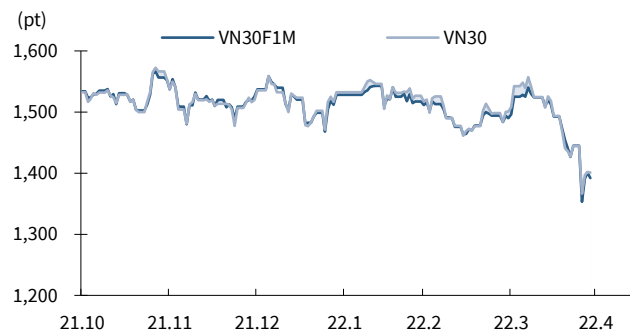
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,400.88 (-0.08%)
VN30F1M	1,392.0 (-0.64%)
Mở cửa	1,399.7
Cao nhất	1,406.7
Thấp nhất	1,388.0

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của chỉ số VN30. Chênh lệch F2205 và chỉ số VN30 mở cửa ở mức -1.13 điểm sau đó biến động giằng co trong khoảng -6.05 và 2.9 điểm trước khi đóng cửa tại mức -8.88 điểm. Khối ngoại giao dịch cân bằng trong phiên hôm nay với thanh khoản thị trường giảm.

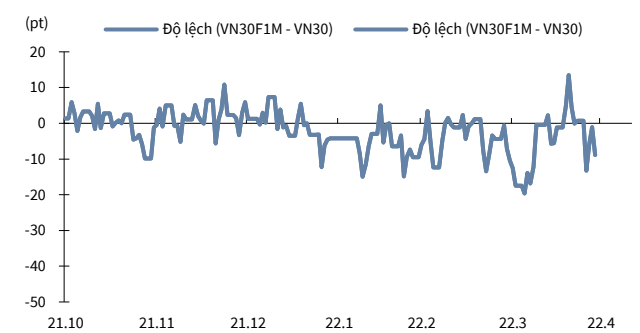
KLGD (HĐ)	245,560 (-21.4%)
------------------	-------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



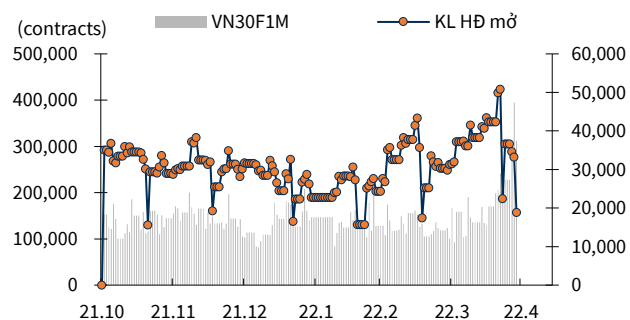
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



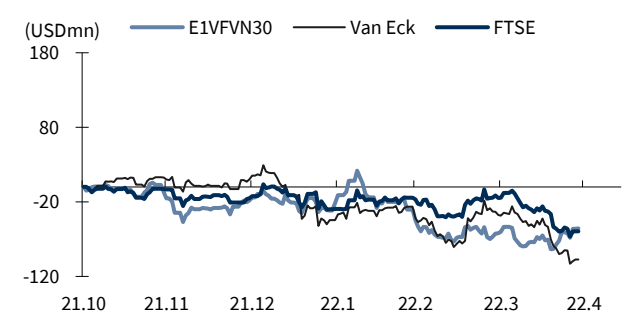
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

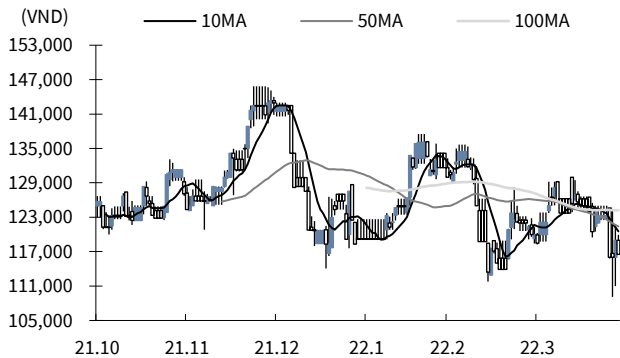
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Tập đoàn MaSan (MSN)

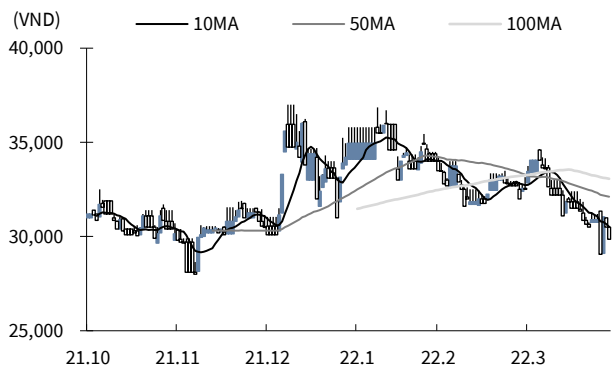


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MSN giảm 2.1% xuống 116,500 VND/cp

- Masan công bố báo cáo tài chính quý I với lợi nhuận sau thuế của Masan Group tăng 452.5%, lên 1,895 tỷ đồng và doanh thu đạt 18,189 tỷ đồng, giảm 8.9% YoY. Loại trừ doanh thu từ mảng thức ăn chăn nuôi, doanh thu thuần tăng trưởng 11.9% YoY. Masan Group cho biết đã hoàn tất thỏa thuận đầu tư 65 triệu USD mua 25% cổ phần của Công ty cổ phần Trusting Social.

Vincom Retail (VRE)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VRE giảm 2.13% xuống 29,850 VND/cp

- Vincom Retail lợi ghi nhận lợi nhuận sau thuế Q1/2022 đạt 378 tỷ đồng (-51% YoY), tăng 209.9% so với quý IV/2021 với doanh thu đạt 1,369 tỷ đồng (-38% YoY), tăng 0.2% so với quý IV/2021. Trong đó, doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và cung cấp các dịch vụ liên quan đạt 1,246 tỷ đồng, tăng gần 40% so với quý IV/2021 và doanh thu chuyển nhượng bất động sản của Vincom Retail đạt 84 tỷ đồng.

UPDATE REPORT



CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ)

KQKD Q1/2022 vượt kỳ vọng, tăng trưởng ấn tượng từ mức nền cao

Chuyên viên phân tích Lương Ngọc Tuấn Dũng
dunglnt@kbsec.com.vn

28/04/2022

KQKD Q1/2022 tăng trưởng ấn tượng từ mức nền so sánh cao trong 2021

PNJ ghi nhận doanh thu thuần tăng trưởng +41.2% YoY đạt 10,143 tỷ đồng – hoàn thành 39.2% kế hoạch năm. LNST đạt 721 tỷ đồng (+40.7% YoY) – hoàn thành 54.6% kế hoạch năm.

Mảng bán lẻ trang sức tiếp tục cho thấy cầu mạnh hậu dịch bệnh

Doanh thu từ bán lẻ trang sức trong quý 1/2022 của PNJ tiếp tục thể hiện tốt, tăng trưởng 43.2% YoY – phù hợp với quan điểm gần nhất của chúng tôi là tệp khách hàng chính của PNJ là nhóm khách hàng ít bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh.

Doanh thu trung bình/cửa hàng tăng trưởng mạnh, còn dư địa nhờ nâng cao, mở rộng năng lực sản xuất cũng như bán hàng

Tổng quan Q1/2022, chúng tôi ước tính doanh thu trung bình/cửa hàng (Gold và Silver) của PNJ đạt 5.6 tỷ đồng/cửa hàng, cao hơn lần lượt 98% và 39% so với cùng kì 2020 & 2021. Giai đoạn 2022-2025, PNJ dự kiến mở từ 30 đến 40 cửa hàng mỗi năm.

Khuyến nghị: MUA – Giá mục tiêu: 140,000 VNĐ/cp

Trong năm 2022, chúng tôi dự phóng kết quả hoạt động kinh doanh của PNJ với doanh thu thuần đạt 27,437 tỷ đồng (+39.8% YoY) và lợi nhuận sau thuế đạt 1,603 tỷ đồng (+55.2% YoY). Chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu PNJ, mức giá mục tiêu 140,000 VNĐ/cp, cao hơn 30.8% so với mức giá đóng cửa ngày 27/04/2022.

MUA

Giá mục tiêu VNĐ 140,000

Tăng/giảm (%)	30.8%
Giá hiện tại (27/04/2022)	VND107,000
Vốn hóa thị trường (tỷ VNĐ/tỷ USD)	26,030/1.15

Dữ liệu giao dịch

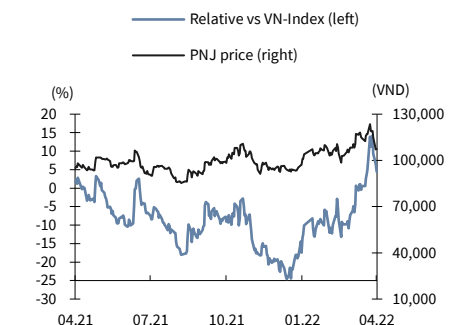
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	85.7%
GDTB 3 tháng (tỷ VNĐ, triệu USD)	154/6.8
Sở hữu nước ngoài	48.97%
Cổ đông lớn	VinaCapital Vietnam Opportunity Fund (8.48%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-3	6	6	12
Tương đối	8	15	12	4

Dự phóng KQKD & định giá

FY - end	2020A	2021A	2022E	2023E
Doanh số thuần (tỷ VNĐ)	17,511	19,613	27,437	31,697
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	1,349	1,305	2,023	2,580
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VNĐ)	1,069	1,033	1,603	2,046
EPS (VNĐ)	4,308	4,161	6,608	8,266
Tăng trưởng EPS (%)	-12.0	-3.4	58.8	25.1
P/E (x)	18.8	23.1	16.3	12.7
P/B (x)	3.5	3.6	3.0	3.8
ROE (%)	20	18	22	22
Tỉ lệ trả cổ tức, phổ thông (%)	45	35	35	35



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

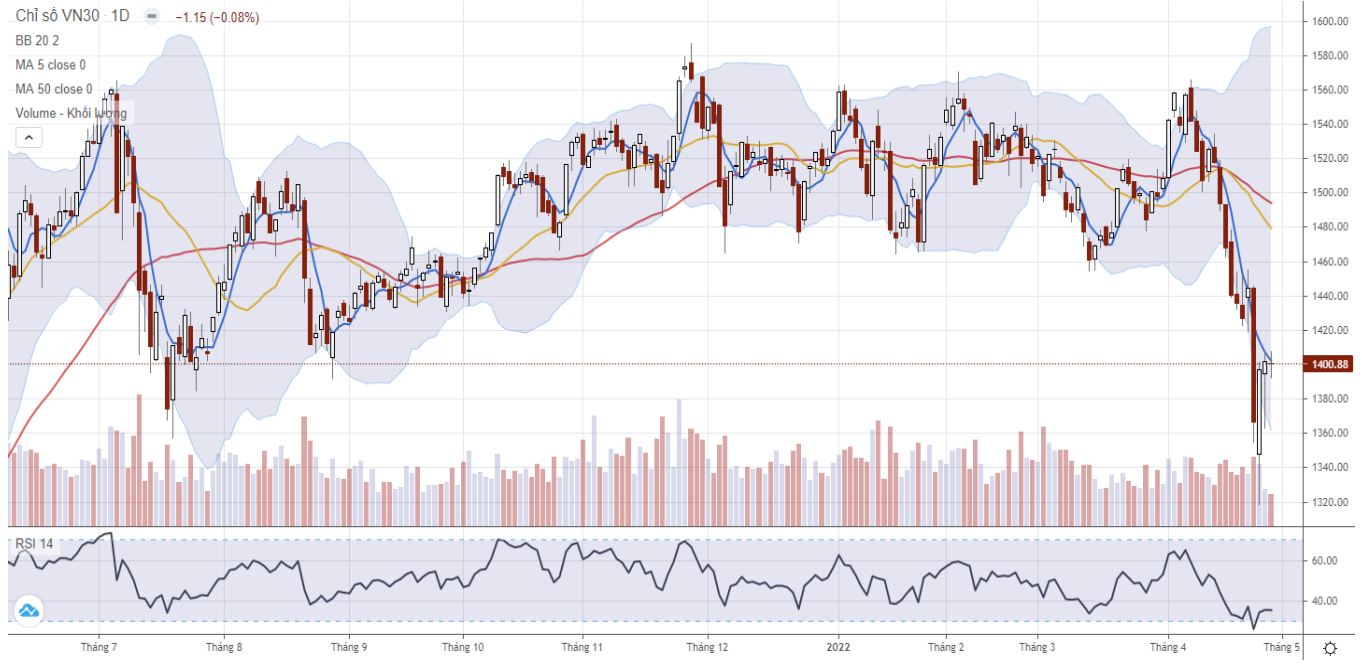
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex giảm điểm giảm co trong biên độ hẹp với các nhịp tăng giảm đan xen đến cuối phiên.
- Áp lực chốt lời ngắn hạn sau hai phiên tăng điểm mạnh đang gây cản trở đà hồi phục của chỉ số. VNIndex nhiều khả năng sẽ tiếp tục chịu ảnh hưởng rung lắc của vùng kháng cự gần quanh 136x và quay xuống kiểm định lại các vùng hỗ trợ bên dưới trước khi hồi phục trở lại.
- Nhà đầu tư được khuyến nghị tránh mua đuổi và chỉ gia tăng tỷ trọng trở lại quanh vùng hỗ trợ đối với các cổ phiếu mục tiêu.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1422 - 1427

Kháng cự gần: 1408 - 1412

Hỗ trợ gần: 1375 - 1379

Hỗ trợ xa: 1361 - 1365

- F1 ghi nhận một phiên giảm điểm giằng co với các nhịp tăng giảm đan xen đến cuối phiên
- Áp lực chốt lời ngắn hạn sau hai phiên tăng điểm mạnh đang gây cản trở đà hồi phục của chỉ số. F1 nhiều khả năng sẽ tiếp tục chịu áp lực rung lắc trước ảnh hưởng của vùng kháng cự gần quanh 140x và quay xuống kiểm định lại các vùng hỗ trợ bên dưới trước khi hồi phục trở lại.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế SHORT tại các vùng kháng cự hoặc mở LONG khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ xa.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở 1 phần trạng thái LONG tại vùng hỗ trợ nhưng đặt ngưỡng dừng lỗ chặt.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

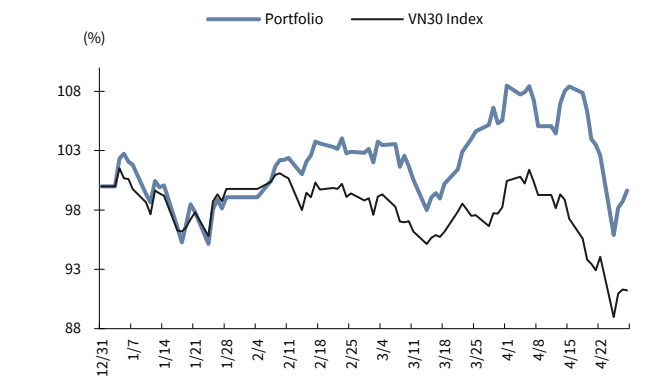
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.08%	0.95%
Tăng lũy kế (YTD)	-8.78%	-0.35%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 28/04/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	145,000	-1.5%	90.5%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Dam Phu My (DPM)	04/03/2022	66,400	2.9%	7.0%	- Giá phân bón tiếp tục duy trì ở mức cao với nguồn cung hạn chế, trong khi nhu cầu trong nước phục hồi - Tình hình tài chính lành mạnh, ROE cao nhất ngành, đòn bẩy thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	106,200	-0.7%	39.6%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	192,000	1.2%	-1.1%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	79,100	6.9%	117.6%	- Màng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	105,500	2.4%	253.8%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Màng viên thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	28,200	-0.4%	49.7%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	107,700	-3.0%	51.2%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	43,100	1.4%	193.6%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	43,000	0.2%	213.1%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HPG	1.4%	21.6%	121.0
NLG	-0.5%	32.9%	72.7
HDB	0.8%	16.0%	33.0
VCB	0.0%	23.6%	21.9
HDG	2.1%	11.2%	18.8

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VHM	-0.8%	23.5%	-223.5
DGC	0.4%	14.3%	-94.8
DIG	-4.0%	2.4%	-10.2
VND	-2.6%	16.6%	-31.7
HBC	2.7%	14.9%	-13.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PLC	0.3%	1.7%	1.6
SD5	6.7%	2.3%	0.9
PVI	0.2%	58.0%	0.7
TA9	1.2%	11.6%	0.7
TVD	2.7%	3.8%	0.6

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VCS	-0.3%	3.4%	-4.2
THD	1.1%	1.5%	-2.2
SHS	-1.6%	8.3%	-0.6
IDC	-1.1%	1.4%	-0.5
TNG	-1.5%	1.6%	-0.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bất động sản	1.4%	BCM, NVL
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.9%	GAS, PGV
Ô tô và phụ tùng	0.6%	HHS, TCH
Ngân hàng	-0.5%	VCB, VPB
Truyền thông	-1.4%	YEG, PNC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	-9.1%	BVH, MIG
Bán lẻ	-7.6%	MWG, DGW
Hàng cá nhân & Gia dụng	-7.2%	PNJ, GIL
Hóa chất	-6.0%	GVR, DGC
Công nghệ thông tin	-5.4%	FPT, CMG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Công nghệ thông tin	4.2%	FPT, CMG
Bảo hiểm	-0.4%	BVH, BIC
Thực phẩm và đồ uống	-3.3%	SAB, VNM
Bán lẻ	-3.3%	MWG, AST
Hàng cá nhân & Gia dụng	-3.5%	MSH, STK

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Xây dựng và Vật Liệu	-22.5%	VGC, VCG
Truyền thông	-20.0%	YEG, ADG
Dầu khí	-18.2%	PLX, PVD
Dịch vụ tài chính	-17.8%	SSI, VCI
Ô tô và phụ tùng	-17.7%	CSM, HAX

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	222,780 (9.7)	22.5	71.5	38.3	14.7	4.4	7.3	2.9	2.7	-0.1	0.5	-3.2	-18.1
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	322,616 (14.1)	26.6	7.8	6.7	35.9	24.6	22.7	1.8	1.4	-0.8	0.8	13.9	-21.3
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	130,613 (5.7)	17.8	25.2	17.4	-7.6	9.0	11.6	2.1	1.9	-2.1	-2.1	-6.7	-0.8
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	370,767 (16.2)	31.3	27.5	18.4	6.7	15.6	18.8	3.8	3.1	0.5	2.0	-1.0	-10.2
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	60,459 (2.6)	11.6	21.6	17.4	13.7	13.7	14.4	2.5	2.2	0.0	-2.1	11.2	-7.8
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	463,147 (20.2)	13.9	14.8	7.7	-	15.0	12.4	1.7	2.1	-0.8	10.2	21.9	2.0
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	97,586 (4.3)	6.3	14.7	12.0	11.7	20.1	21.4	2.7	2.3	0.0	4.0	-1.1	3.4
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	96,437 (4.2)	12.7	13.8	10.0	-5.3	17.2	20.2	2.0	1.6	-1.3	-4.7	11.8	-1.1
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	382,428 (16.7)	0.0	6.9	5.7	14.3	21.0	20.6	1.3	1.1	1.7	-3.0	13.3	-15.4
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	158,966 (6.9)	1.4	6.9	5.8	50.3	20.1	20.9	1.2	1.1	-0.4	-2.8	11.3	-16.8
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	869,337 (38.0)	0.0	11.0	8.9	18.8	16.7	17.1	1.7	1.4	1.5	2.8	0.7	2.0
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	440,530 (19.2)	0.0	7.2	5.8	14.6	24.1	23.4	1.5	1.2	-0.8	-1.8	-6.5	1.9
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	107,936 (4.7)	4.2	7.0	5.8	23.3	22.4	21.9	1.4	1.1	0.8	1.2	-8.0	-18.3
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	337,546 (14.7)	14.0	12.0	7.1	26.5	13.9	17.8	1.4	1.2	-1.8	0.2	13.0	-12.1
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	172,298 (7.5)	0.0	7.9	6.4	37.4	23.0	22.6	1.7	1.3	-3.4	-3.4	14.8	-18.1
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	15,529 (0.7)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-2.6	-2.3	18.4	-11.0	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	148,264 (6.5)	21.0	20.1	17.3	15.8	10.2	11.1	2.0	1.8	-2.4	-9.8	2.6	7.1
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	31,422 (1.4)	14.2	35.1	15.9	9.1	11.6	13.5	3.8	1.8	-0.3	-2.9	14.0	-16.5
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	346,512 (15.1)	55.4	15.0	14.1	-3.2	15.2	15.2	-	-	-2.6	-7.1	20.7	-35.3
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	113,886 (5.0)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	-2.9	11.1	29.2	-45.1
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	112,910 (4.9)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	-1.3	-5.3	21.8	-41.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	468,142 (20.4)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	-2.6	-6.0	0.7	-8.6
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	236,789 (10.3)	42.1	15.8	14.6	4.0	30.3	32.5	4.5	4.3	-0.9	-0.9	1.2	-14.0
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	41,139 (1.8)	36.9	24.7	20.4	7.3	19.3	21.5	4.5	4.0	-2.4	-2.8	4.7	9.3
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	146,571 (6.4)	16.5	33.1	23.2	-51.9	15.6	21.2	5.1	4.1	-2.1	-5.3	-4.0	-18.2
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	93,858 (4.1)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-1.2	4.6	32.5	-40.5
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	99,721 (4.4)	11.0	112.3	22.6	-88.5	6.8	19.8	-	-	0.0	-5.5	-8.4	0.5
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	169,205 (7.4)	10.8	21.8	19.1	-57.0	12.2	13.6	2.5	2.4	0.9	-3.2	-4.4	13.7
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	194,812 (8.5)	38.4	8.1	10.6	65.7	14.1	9.3	1.1	1.1	0.9	2.0	25.0	-50.2
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	102,539 (4.5)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	6.9	32.2	43.3	-63.5
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	611,918 (26.7)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-3.0	-5.7	29.0	-32.7
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	91,756 (4.0)	3.6	12.3	9.1	-52.4	4.2	5.4	0.5	0.5	-1.4	-5.2	36.1	-47.0
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	76,851 (3.4)	0.0	12.4	10.3	-4.5	13.8	14.4	1.7	1.5	6.9	-2.1	-1.0	14.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	83,989 (3.7)	46.1	17.8	16.4	-17.5	20.4	19.5	3.6	3.4	-3.0	2.6	-2.5	12.0
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	30,898 (1.3)	31.4	10.5	9.3	-10.5	15.7	16.1	1.5	1.3	-1.8	-4.8	-3.9	-16.3
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,672 (0.1)	34.1	13.8	8.6	-5.1	10.1	17.3	1.2	1.2	0.0	-3.1	14.4	-21.0
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	770,274 (33.6)	18.0	6.7	6.4	21.9	29.9	23.1	1.6	1.3	1.4	-0.6	-6.1	-7.1
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	474,288 (20.7)	36.5	7.0	14.5	-0.5	31.6	15.2	2.0	1.9	2.9	-7.3	10.1	32.8
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	288,628 (12.6)	46.5	8.3	12.2	-4.5	29.9	17.6	2.1	1.9	3.5	-8.2	21.6	3.5
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	222,062 (9.7)	38.9	4.5	5.1	67.9	24.0	19.9	1.0	0.9	-1.9	-5.8	25.0	-24.2
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	93,656 (4.1)	97.2	13.2	11.8	17.2	7.0	7.6	0.9	0.9	0.4	-1.1	28.7	-32.9
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	85,705 (3.7)	4.6	17.6	14.0	-51.0	14.1	15.9	1.8	1.7	-1.0	-5.0	14.6	-11.3
	PVD	PETROVIETNAM DRI	19,500	9,854 (428)	191,724 (8.4)	39.9	24.6	11.6	-11.9	3.3	5.9	0.7	0.7	0.6	-6.8	34.8	-21.1
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	92,146 (4.0)	35.9	7.3	6.2	2.2	16.5	16.4	1.1	0.9	-1.3	-7.6	25.4	-19.5
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	389,532 (17.0)	0.0	16.1	13.5	14.4	27.7	27.2	4.3	3.6	-1.5	-6.8	0.7	6.7
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	156,005 (6.8)	0.0	18.2	14.9	2.4	21.2	21.6	3.4	2.8	-0.7	10.8	-1.8	10.4
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	8,762 (0.4)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	1.4	3.9	34.4	-27.1
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	158,896 (6.9)	30.3	18.4	15.3	-75.2	30.5	28.4	5.3	4.0	2.3	10.1	-3.4	49.0
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	86,215 (3.8)	34.6	9.3	10.4	41.2	35.0	25.3	2.6	2.3	-2.1	-6.6	13.2	-2.9
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	2,958 (0.1)	45.4	16.6	15.3	10.7	20.1	19.9	3.1	2.8	0.6	-1.7	10.4	-11.6
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	422,763 (18.5)	0.0	19.0	15.2	15.5	26.9	28.5	4.6	3.9	2.4	-5.8	7.5	13.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Lê Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng
tungla@kbsec.com.vn

Nguyễn Ngọc Hiếu
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng
hieunn@kbsec.com.vn

Tiêu Phan Thanh Quang
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
quangtpt@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.